



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Ban Đảm Bảo Chất Lượng**
Laboratory: **Quality Assurance Department**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - Nhà Máy Sữa Bột Việt Nam**
Organization: **Branch of Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company – Viet Nam Powdered Dairy Factory**

Số hiệu/ Code: **VILAS 767**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Hóa, Sinh**
Chemical, Biological

Người quản lý:
Laboratory manager: **Đoàn Hồng Vân**
Doan Hong Van

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày /9/2026 đến ngày /9/2031**

Địa chỉ/Address: **Số 9, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
No. 9, Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore Industrial Park 1, Binh Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa điểm/Location: **Số 9, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
No. 9, Tu Do Avenue, Vietnam - Singapore Industrial Park 1, Binh Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **0274 3799 628 (Ext: 276301)**

Email: **dhvan1@vinamilk.com.vn**

Website: **http://www.vinamilk.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 767

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantify (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Sữa bột <i>Dried milk</i>	Định lượng vi sinh vật tổng số Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony-count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1:2015 ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022
2.		Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of coliforms Colony-count technique</i>		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Technique using Baird-Parker agar medium</i>		ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023
4.		Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of presumptive Bacillus cereus Colony-count technique at 30°C</i>		TCVN 4992:2005 ISO 7932:2004/ Amd 1:2020
5.		Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Clostridium perfringens Colony count technique</i>		ISO 15213-2:2023
6.		Định lượng đơn vị hình thành khuẩn lạc từ nấm men và/hoặc nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 25°C <i>Enumeration of colony-forming units of yeasts and/or moulds Colony-count technique at 25°C</i>		TCVN 6265:2007 (ISO 6611:2004)
7.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β- glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5- bromo-4-clo-3-indolyl β-glucuronid <i>Enumeration of β-glucuronidase-positive Escherichia coli Colony-count technique at 44°C using 5- bromo-4-chloro-3-indolyl β-glucuronide</i>		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 767

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantify (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
8.	Sữa bột Dried milk	Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Enterobacteriaceae</i> <i>Colony-count technique</i>		ISO 21528-2:2017
9.		Định lượng nấm men và nấm mốc Phương pháp sử dụng đĩa đếm nhanh 3M™ Petrifilm™ <i>Enumeration of yeast and mold</i> <i>3M™ Petrifilm™ rapid count plate method</i>		TCVN 12657:2019
10.		Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí Phương pháp sử dụng đĩa đếm nhanh 3M™ Petrifilm™ <i>Enumeration of aerobic bacteria</i> <i>3M™ Petrifilm™ rapid count plate method</i>		TCVN 12659:2019
11.		Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Phương pháp sử dụng đĩa đếm Petrifilm™ <i>Enumeration of Enterobacteriaceae</i> <i>Petrifilm™ count plate method</i>		TCVN 9980:2013
12.		Định lượng Coliform và <i>Escherichia coli</i> Phương pháp sử dụng đĩa đếm Petrifilm™ <i>Enumeration of Coliform, Escherichia coli</i> <i>Petrifilm™ count plate method</i>		TCVN 9975:2013
13.		Phát hiện <i>Enterobacteriaceae</i> <i>Detection and enumeration of</i> <i>Enterobacteriaceae</i>	eLOD ₅₀ 1.55 CFU/10g	ISO 21528-1:2017
14.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ 11.21 CFU/25g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020
15.		Phát hiện <i>Cronobacter</i> spp. <i>Detection of Cronobacter spp.</i>	eLOD ₅₀ 2.17 CFU/10g	TCVN 7850:2018 (ISO 22964:2017)
16.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. Phương pháp sinh học phân tử (MDA) <i>Detection of Salmonella spp.</i> <i>Molecular Detection Assay (MDA) method</i>	eLOD ₅₀ 1.9 CFU/25g	AOAC 2016.01
17.		Phát hiện <i>Cronobacter</i> spp. Phương pháp sinh học phân tử (MDA) <i>Detection of Cronobacter spp.</i> <i>Molecular Detection Assay (MDA) method</i>	eLOD ₅₀ 1.7 CFU/10g	AOAC 2018.01

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 767

Chú thích /Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- AOAC: Hiệp hội các nhà hóa học phân tích chính thống/ *Association of Official Analytical Chemists*
- eLOD₅₀: Ước lượng/ *Estimated LOD₅₀*
- Amd: bản bổ sung/ *Amendment*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 767

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantify (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Sữa bột Dried milk	Xác định hàm lượng Ẩm Phương pháp sấy chân không <i>Determination of Moisture Vacuum oven method</i>	0.46%	AOAC 927.05
2.		Xác định hàm lượng Béo Phương pháp khối lượng <i>Determination of Fat content Gravimetric method</i>	0.81%	TCVN 7084:2010
3.		Xác định hàm lượng Đạm Phương pháp Kjeldahl và tính protein thô <i>Determination of Nitrogen content Kjeldahl method and crude protein calculation</i>	0.94%	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)
4.		Xác định hàm lượng Tro Phương pháp khối lượng <i>Determination of Ash Gravimetric method</i>	0.74%	AOAC 930.30
5.		Xác định Độ axit chuẩn độ Phương pháp chuẩn <i>Determination of titratable acidity Reference method</i>	0.017%	TCVN 8079:2013 (ISO 6091:2010)

Chú thích /Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- AOAC: Hiệp hội các nhà hóa học phân tích chính thống/ *Association of Official Analytical Chemists*

Trường hợp Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - Nhà Máy Sữa Bột Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - Nhà Máy Sữa Bột Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Branch of Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company – Viet Nam Powdered Dairy Factory that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

